

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình**  
**mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh**  
**giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Thực hiện Công văn số 01/BCĐ CTMTQG ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 về việc kiện toàn hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 246/TTr-SNN ngày 27/5/2022 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 227/TTr-SNV ngày 02/6/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh), cụ thể như sau:

**1. Vị trí, chức năng**

a) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh giúp Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

## **2. Nhiệm vụ, quyền hạn**

a) Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 5 năm và hàng năm.

b) Tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và cơ chế phối hợp hoạt động liên ngành để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu phân công trách nhiệm các sở, ban, ngành tỉnh trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

đ) Rà soát kế hoạch xây dựng nông thôn mới cấp huyện trên địa bàn tỉnh để phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của tỉnh.

e) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh định kỳ, đột xuất theo quy định.

g) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc đôn đốc tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

h) Chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các báo cáo về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

i) Tổ chức công tác thông tin truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

## **3. Tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh**

a) Chánh Văn phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm; 01 Phó Chánh Văn phòng do Chỉ cục trưởng Chỉ cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm; Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm.

b) Công chức làm việc kiêm nhiệm tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là biên chế công chức của Chỉ cục Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành tỉnh (*Danh sách kèm theo tại Phụ lục I*).

c) Số lượng người làm việc chuyên trách tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh gồm 06 biên chế tại Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Danh sách kèm theo tại Phụ lục II*).

#### 4. Trụ sở làm việc và kinh phí hoạt động

a) Trụ sở làm việc của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh được đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 109, Phạm Ngũ Lão, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

b) Kinh phí hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh được bố trí trong dự toán hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác (nếu có) theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Giao Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phân công nhiệm vụ cho các công chức, viên chức làm việc chuyên trách và kiêm nhiệm tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 3 Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 22/6/2015.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; Phòng THNV;
- Lưu: VT, NN. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH *real*



Lê Văn Hân

## Phụ lục I

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC LÀM VIỆC KIÊM NHIỆM TẠI  
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: **1186** /QĐ-UBND ngày **29** /6/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**1. Công chức của Chi cục Phát triển nông thôn**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Tiếng	Phó Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Phụ trách nhóm tiêu chí về Hạ tầng Kinh tế - Xã hội (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí về Giáo dục, Du lịch (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 2, 3, 4 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
2	Ông Mai Thanh Điền	Trưởng phòng Cơ điện và Ngành nghề nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn	Phụ trách nhóm tiêu chí về Văn Hóa - Xã hội - Môi trường (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí về Cảnh quan môi trường, Văn hóa (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 5,7,8 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
3	Ông Phạm Tấn Hưng	Trưởng phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư, Chi cục Phát triển nông thôn	Phụ trách nhóm tiêu chí về Hệ thống Chính trị (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí về Chuyển đổi số, An ninh trật tự (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 9 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
4	Bà Trần Thị Hồng Yến	Trưởng phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại, Chi cục Phát triển nông thôn	Phụ trách nhóm tiêu chí về Tổ chức sản xuất (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí về Sản xuất (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 6 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
5	Ông Nguyễn Huyền Giang	Công chức Phòng Cơ điện và Ngành nghề nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn	Phụ trách nhóm tiêu chí về Quy hoạch (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 1 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	

## 2. Công chức các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Phụ trách lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Phụ trách tiêu chí số 15 (Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao); tiêu chí số 9 (Nội dung 9.5 Bộ tiêu chí huyện NTM; Nội dung 9.2 Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao)	
3	Sở Xây dựng	Phụ trách tiêu chí số 1 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 9 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); Nội dung 3, 5 (Quy định TX, TP hoàn thành nhiệm vụ XD NTM)	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phụ trách tiêu chí số 17 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 18 (Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao); tiêu chí lĩnh vực về Cảnh quan môi trường (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); Phụ trách chung tiêu chí số 7, 8 (Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
5	Sở Giao thông vận tải	Phụ trách Tiêu chí số 2 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao; Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)	
6	Sở Công Thương	Phụ trách tiêu chí số 4 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao; Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 7 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 6 (Nội dung 6.2 Bộ tiêu chí huyện NTM; Nội dung 6.3 Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao)	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phụ trách tiêu chí số 6 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 16 (Bộ tiêu chí xã NTM); tiêu chí lĩnh vực về Văn hóa và Du lịch (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 5 (Nội dung 5.2 Bộ tiêu chí huyện NTM; Nội dung 5.2, 5.3 Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao)	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	Phụ trách tiêu chí số 8 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí lĩnh vực về Chuyển đổi số (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu)	
9	Cục Thống kê	Phụ trách tiêu chí số 10 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao)	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Phụ trách tiêu chí số 11, 12 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao)	

11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phụ trách Tiêu chí số 13 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí lĩnh vực về Sản xuất (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu)
12	Sở Y tế	Phụ trách tiêu chí số 15 (Bộ tiêu chí xã NTM); tiêu chí số 14 (Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao); tiêu chí số 5 (Nội dung 5.1 Bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao)
13	Sở Nội vụ	Phụ trách chung tiêu chí số 18 (Bộ tiêu chí xã NTM); tiêu chí số 16 (Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao); tiêu chí số 9 (Nội dung 9.1, 9.2, 9.3 Bộ tiêu chí huyện NTM)
14	Sở Tư pháp	Phụ trách tiêu chí số 18 (Nội dung 18.4 Bộ tiêu chí xã NTM); tiêu chí số 16 (Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao); tiêu chí số 9 (Nội dung 9.6 Bộ tiêu chí huyện NTM)
15	Công an tỉnh	Phụ trách Tiêu chí số 19 (Nội dung 19.2 Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí lĩnh vực về An ninh trật tự (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 9 (Nội dung 9.4 Bộ tiêu chí huyện NTM; Nội dung 9.1 Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao)
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phụ trách tiêu chí số 5 (Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao); tiêu chí số 14 (Bộ tiêu chí xã NTM); tiêu chí lĩnh vực về Giáo dục (Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu); tiêu chí số 5 (Nội dung 5.3, 5.4 Bộ tiêu chí huyện NTM; Nội dung 5.4, 5.5 Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao)
17	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Phụ trách tiêu chí số 19 (Nội dung 19.1 Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao)

## Phụ lục II

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC LÀM VIỆC CHUYÊN TRÁCH TẠI  
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **1186** /QĐ-UBND ngày **29** /6/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương	Viên chức	Phụ trách địa bàn huyện Châu Thành	
2	Ông Phạm Đức Tri	Viên chức	Phụ trách địa bàn huyện Trà Cú và huyện Cầu Kè	
3	Ông Lê Thành Trung	Viên chức	Phụ trách địa bàn huyện Cầu Ngang và huyện Càng Long	
4	Bà Thái Huyền Trân	Viên chức	Phụ trách địa bàn thành phố Trà Vinh và huyện Tiểu Cần	
5	Ông Lâm Ngọc Tân	Viên chức	Kế toán	
6	Ông Huỳnh Tân Chí	Viên chức	Văn thư - Phụ trách địa bàn huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	